

QUYẾT ĐỊNH

V/v: phê duyệt Thiết kế kỹ thuật điều chỉnh
Tháp CT3&CT7 – Đà Nẵng Times Square

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG NAM

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Xây dựng;

Căn cứ Công văn số 512/HĐXD-QLTK ngày 26/6/2017 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng – Bộ Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình Tháp CT3&CT7 - Đà Nẵng Times Square;

Căn cứ Giấy phép xây dựng số 1563/GPXD ngày 12/7/2017 của Sở Xây dựng;

Căn cứ Công văn số 79/HĐXD-QLTK ngày 08/02/2018 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng – Bộ Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật điều chỉnh công trình Tháp CT3&CT7 - Đà Nẵng Times Square;

Căn cứ Quyết định số 2939/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 của UBND thành phố về quyết định chủ trương đầu tư dự án Tháp CT3&CT7 - Khu phức hợp Đà Nẵng Times Square;

Căn cứ Quyết định số 4680/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của UBND thành phố về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết TL 1/500 dự án Đà Nẵng Times Square;

Căn cứ Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của UBND thành phố về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Tháp CT3&CT7 - Đà Nẵng Times Square;

Căn cứ Quyết định số 4143/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND thành phố về chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Tháp CT3&CT7 - Đà Nẵng Times Square;

Căn cứ Quyết định số 2352/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND thành phố về sửa đổi quyết định chủ trương đầu tư số 2939/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 của UBND thành phố cấp cho dự án Tháp CT3&CT7 - Đà Nẵng Times Square;

Căn cứ Công văn số 2901/SKHĐT-DN ngày 30/9/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến điều chỉnh tiến độ dự án Tháp CT3&CT7 - Đà Nẵng Times Square;

Căn cứ Công văn số 4186/SGTVT-QLKCHT ngày 13/10/2022 của Sở Giao thông Vận tải về việc góp ý liên quan đến giao thông tiếp cận công trình Đà Nẵng Times Square - Tháp CT1&CT2, Tháp CT3&CT7 và Tháp CT6;

Căn cứ Công văn số 336/HĐXD-DA ngày 21/10/2022 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định BCNCKT ĐTXD điều chỉnh tháp CT3&CT7 - Đà Nẵng Times Square;

Căn cứ Công văn số 577/HĐXD-DA ngày 18/5/2023 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng về việc đóng dấu thẩm định BCNCKT điều chỉnh tháp CT3&CT7 - Đà Nẵng Times Square;

Căn cứ Công văn số 911/HĐXD-DA ngày 04/8/2023 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng về việc điều chỉnh thiết kế dự án Tháp CT3&CT7 của dự án Đà Nẵng Times Square;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 259/TD-PCCC ngày 19/11/2022 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH – Bộ Công an;

Căn cứ Công văn số 824/TD-PCCC ngày 10/4/2023, Công văn số 3683/TD-PCCC ngày 19/12/2023 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH – Bộ Công an về điều chỉnh thiết kế phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc số 01/HDNT/FUTA-KLN ngày 12/5/2022 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Trang và Công ty Cổ phần Kim Long Nam về việc sử dụng chỗ để xe dự án Nhà để xe cao tầng Tháp CT6 - Đà Nẵng Times Square.

Căn cứ Báo cáo số 612/TT-KKP ngày 06/12/2023 của Công ty TNHH Kiến Khang Phát về kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật điều chỉnh dự án Tháp CT3&CT7- Đà Nẵng Times Square;

Căn cứ các văn bản pháp lý khác có liên quan;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý thiết kế.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật điều chỉnh dự án Tháp CT3&CT7 - Đà Nẵng Times Square với các nội dung chủ yếu như sau:

1. **Người phê duyệt:** Công ty Cổ phần Kim Long Nam.
2. **Tên dự án:** Tháp CT3&CT7 - Đà Nẵng Times Square.
3. **Loại, cấp công trình:** Công trình dân dụng, Cấp I.
4. **Địa điểm xây dựng:** Lô CT3 và lô CT7 dự án Đà Nẵng Times Square, phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
5. **Nhà thầu khảo sát xây dựng:** Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Đà Nẵng.

6. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng:

- Thiết kế Kiến trúc: Công ty Cổ phần thiết kế và xây dựng Kiến Lam;
- Thiết kế Kết cấu: Công ty TNHH MTV Kỹ thuật và Công nghệ xây dựng ACONS;
- Thiết kế Cơ điện, cấp thoát nước: Công ty Cổ phần thương mại – dịch vụ cơ điện lạnh P&M;

7. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Công ty TNHH Kiến Khang Phát.**8. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật; các giải pháp thiết kế nhằm sử dụng hiệu quả năng lượng, tiết kiệm tài nguyên (nếu có):**

a) Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật:

Chỉ tiêu quy hoạch dự án Tháp CT3&CT7 - Đà Nẵng Times Square sau khi điều chỉnh cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Quy hoạch được duyệt	Giấy phép xây dựng đã cấp	TKKT điều chỉnh
1	Diện tích khu đất	4.107m ²	4.107m ²	4.107 m ²
2	Diện tích xây dựng khối đế	-	2.203m ²	2.203m ²
3	Mật độ xây dựng khối đế	53,64%	53,64%	53,64%
4	Diện tích xây dựng khối tháp	-	1.996m ²	1.196m ²
5	Mật độ xây dựng khối tháp	-	48,60%	48,60%
6	Tổng diện tích sàn xây dựng (không kể tầng hầm, tầng kỹ thuật, tum thang)	-	54.117m ²	54.117m ²
7	Hệ số sử dụng đất	-	13,18lần	13,18lần
8	Số tầng cao (không kể hầm, tum thang, kỹ thuật, lửng)			
	- Khối công trình CT3	24 tầng	24 tầng	24 tầng
	- Khối công trình CT7	31 tầng	31 tầng	31 tầng
9	Chiều cao công trình			
	- Khối công trình CT3	95	95	95
	- Khối công trình CT7	118	118	118
10	Số tầng hầm	02 tầng	02 tầng	02 tầng
11	Tổng số căn hộ khách sạn (điều chỉnh thành căn hộ ở)			
	- Khối công trình CT3	-	284 căn	265 căn
	- Khối công trình CT7	-	307 căn	295 căn
12	Tổng số căn hộ ở kết hợp thương mại dịch vụ	-	15 căn	15 căn

TT	Nội dung	Quy hoạch được duyệt	Giấy phép xây dựng đã cấp	TKKT điều chỉnh
13	Tổng diện tích nhà trẻ	-	-	530,27 m ²
14	Tổng diện tích sinh hoạt cộng đồng	-	-	467,36 m ²
15	Diện tích, số lượng xe để tại tầng hầm	-	-	6.093,18m ²

b) Các giải pháp thiết kế chính:

* Giải pháp kiến trúc:

- Tầng hầm

+ Tầng hầm 2 cao 4,5m, tầng hầm 1 cao 4,5m và 4,05m (khu vực bên ngoài phạm vi khối đế), diện tích sàn xây dựng khoảng 3.859 m²/tầng, bố trí khu để xe (sử dụng phương án đỗ xe cơ khí hai tầng, tổng diện tích khoảng 5.830,99m²), bể dự trữ nước sinh hoạt (đặt dưới tầng hầm 2), bể dự trữ nước phục vụ phòng cháy chữa cháy, bể xử lý nước thải, khu kỹ thuật điện và không gian kỹ thuật khác phục vụ công trình.

- Khối đế công trình cao 4 tầng bao gồm:

+ Tầng 1 có chiều cao 4,2m và 8,4m (khu vực thông tầng sảnh chính), diện tích sàn xây dựng khoảng 2.061m²; tầng 1 bố trí sảnh chính vào các căn hộ, sảnh lễ tân tiếp đón lên các khu vực dịch vụ công cộng các tầng trên, vệ sinh chung (trong đó có vệ sinh cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng), hai tầng thiết kế 15 căn hộ ở kết hợp thương mại dịch vụ 02 tầng (tầng 1 bố trí không gian thương mại dịch vụ, tầng 2 bố trí căn hộ ở).

+ Tầng 2: Cao 4,2m diện tích 1.926m² bao gồm Căn hộ ở kết hợp kinh doanh/thương mại, không gian thương mại, khu vực văn phòng.

+ Tầng 3: Cao 4,2m diện tích 2.203m² bố trí nhà trẻ (có khu vệ sinh khép kín), khu vệ sinh công cộng (có vệ sinh cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng), thương mại dịch vụ và nhà hàng.

+Tầng 3M (tầng lửng): Cao 3,6m diện tích 1.568m² bố trí các phòng sinh hoạt cộng đồng (tổng diện tích khoảng 413,3m²), không gian thông tầng, khu vực kỹ thuật bể bơi và hệ thống kỹ thuật bảo trì khác.

- Khối tháp – khu căn hộ

+ Tầng 4 có chiều cao 7m, diện tích sàn xây dựng khoảng 2.023m², bố trí khu dịch vụ chăm sóc sức khỏe (khối CT7), không gian dịch vụ cafe, khu vui chơi trẻ em, khu bể bơi và sân vườn ngoài trời phục vụ cho dân cư tòa nhà và thương mại dịch vụ.

+ Khối CT3 từ tầng 5 đến tầng 23 có chiều cao 3,3m/tầng, diện tích sàn xây dựng khoảng 1.080m²/tầng, bố trí 14 căn hộ/tầng (diện tích từ khoảng 45,22 - 91,67m²), riêng tầng 23 bố trí 13 căn hộ ở (diện tích từ khoảng 45,29 - 189,36m²). Tum thang có chiều cao khoảng 8,5m, diện tích sàn xây dựng khoảng 254,8m², cốt đỉnh mái khoảng +95m.

+ Khối CT7 từ tầng 5 đến tầng 30 có chiều cao 3,3m/tầng, diện tích sàn xây dựng khoảng 916m²/tầng, tầng 5 - 12 và 14 - 22 bố trí 12 căn hộ/tầng (diện tích từ khoảng 45,14 - 84,93m²), tầng 13 bố trí gian lánh nạn (diện tích khoảng 132,49m²), phòng sinh hoạt cộng đồng (diện tích khoảng 54,06m²) và không gian kỹ thuật, riêng tầng 30 bố trí 07 căn hộ ở (diện tích từ khoảng 45,3 - 202,01m²). Tum thang có chiều cao khoảng 8,5m, diện tích sàn xây dựng khoảng 240,5m², cốt đỉnh mái khoảng +118 m.

* Giải pháp kết cấu:

Dự án đã thi công xong phần thô với kết cấu móng cọc khoan nhồi kết hợp hệ đài cọc, dầm móng bê tông cốt thép toàn khối: Trong đó:

- Sử dụng giải pháp cọc khoan nhồi đường kính D1200. Cọc D1200 có sức chịu tải thiết kế là 5000kN chiều dài cọc khoảng 48.00m tính từ mặt đất tự nhiên. Cọc D1200mm chiều dài cọc mũi cọc đặt vào lớp 13 (đá phiến sericit phong hóa) một đoạn tối thiểu 4 m, sức chịu tải thiết kế cọc D1200 là 11500kN.

- Kết cấu móng sử dụng giải pháp móng bê tông cốt thép (BTCT) trên nền cọc khoan nhồi. Đài móng có chiều dày 2400mm, 2900mm,..tùy từng vị trí. Chiều dày sàn hầm B2 là 400mm, 250mm (Cho khu vực sàn hầm B2 làm nắp bể nước ngầm), giằng móng có tiết diện 400x800mm.

- Kết cấu sàn tầng hầm B1 sử dụng giải pháp kết cấu dầm sàn toàn khối BTCT, hệ dầm kích thước điển hình 600x600, 700x600mm, ... Chiều dày sàn 200mm, 250mm tùy khu vực.

- Kết cấu sàn tầng 1 sử dụng giải pháp kết cấu sàn sườn toàn khối BTCT, sàn có chiều dày 250mm. Tiết diện dầm điển hình: 1000x600mm, 800x600mm, 600x800mm...

- Cột: có tiết diện 1400x2000mm, 1000x1500mm, 1000x1200mm, 700x700mm,...

- Vách: có chiều dày 600, 500, 450, 400, 300, 250mm, lõi thang máy có chiều dày 350mm, 300mm.

- Tường vây tầng hầm bê tông cốt thép có chiều dày 0,8m. Chiều dài 24m.

Kết cấu chịu lực chính phần thân sử dụng các cấu kiện cột, vách kết hợp sàn bê tông cốt thép toàn khối. Trong đó các cấu kiện cột, vách, dầm bê tông cốt thép đóng vai trò là kết cấu chính chịu tải trọng đứng, tải trọng ngang; cấu kiện sàn bê tông cốt thép có vai trò chịu tải trọng đứng và phân phối tải trọng ngang về dầm, cột, vách.

Kích thước cấu kiện điển hình như sau:

- Cột (khối podium): có tiết diện 1400x2000, 1000x1500, 1000x1200; ...

- Vách BTCT có chiều dày 250mm, 300mm, 350mm, 400mm, 450mm, 600mm;

- Kết cấu dầm sàn tầng 2 đến tầng 5: sử dụng giải pháp sàn sườn toàn khối, sàn có chiều dày 280mm, 250mm, 230mm, 200mm, 400mm, ... tùy theo vị trí. Dầm có tiết diện điển hình 250x600, 600x600, 800x600, ...

- Hệ sàn chuyển dày 2000mm nằm ở cốt +21.750m là chuyển hệ cột đỡ phía dưới thành vách;

- Sàn tầng 6 đến mái: Sử dụng giải pháp sàn dầm sàn có chiều dày chủ yếu 180mm (130 và 150mm khu vực ban công và vệ sinh, 400mm cho khu vực link lõi thang máy), hệ dầm bo có tiết diện 250x750mm, 400x750mm,... dầm nối vách có tiết diện 300x600, 300x1000mm;

Vật liệu sử dụng:

- Bê tông:

+ Bê tông lót : B10

+ Bê tông cọc khoan nhồi: B30

+ Bê tông tường vây : B35

+ Bê tông móng, đài cọc, sàn : B30

+ Bê tông cột vách, lõi C40/50 (EC2)

+ Dầm sàn hệ chuyển: B40

+ Bê tông dầm, sàn : B30

+ Bê tông cầu thang, bể nước, đường dốc: B30

+ Bê tông trụ tường, lanh tô, giằng tường: B15

- Cốt thép:

+ Thép CB500-V cho thép có đường kính ($\varnothing \geq 16$): $f_y = 500$ MPa

+ Thép CB400-V cho thép có đường kính ($16 > \varnothing \geq 10$): $f_y = 400$ MPa

+ Thép CB240-T cho thép có đường kính ($\varnothing < 10$): $f_y = 240$ MPa ;

- Bulong: cấp độ bền 8.8 có cường độ kéo 400 Mpa; bulong neo có cường độ chịu kéo 150Mpa.

* Hệ thống kỹ thuật công trình:

- Cấp điện: Nguồn cấp điện lấy từ mạng lưới điện của dự án cấp đến công trình qua 02 máy biến áp công suất 2.500kVA/máy; dự án bố trí 02 máy phát điện dự phòng, công suất 1.600kVA/máy để cấp điện cho các phụ tải cần thiết khi có sự cố.

- Cấp nước: Nguồn cấp nước lấy từ mạng lưới cấp nước của dự án cấp vào bể chứa nước tầng hầm và được bơm lên bể nước mái công trình thông qua bơm chuyển, từ bể nước mái sẽ cấp đến các điểm sử dụng nước trong công trình. Các tầng căn hộ trên cùng sẽ được cấp nước tăng áp trực tiếp từ bể nước mái.

- Thoát nước: Hệ thống thoát nước mưa tách biệt với thoát nước thải sinh hoạt; nước thải sinh hoạt được dẫn về trạm xử lý nước thải để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực dự án.

- Các hệ thống kỹ thuật khác như: Điều hòa, thông gió, phòng cháy chữa cháy, thông tin liên lạc, chống sét, ... bố trí theo yêu cầu sử dụng.

9. Thời hạn sử dụng theo thiết kế công trình: 100 năm.

10. Giá trị dự toán xây dựng theo từng khoản mục chi phí:

Tổng dự toán xây dựng: 1.565.729.571.766 đồng
 Làm tròn số: 1.565.730.000.000 đồng

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 620.796.912.000 đồng
 - Chi phí thiết bị: 73.396.669.275 đồng
 - Chi phí QLDA: 8.288.671.360 đồng
 - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 24.963.448.741 đồng
 - Chi phí khác: 9.776.636.593 đồng
 - Chi chí lãi vay trong thời gian XD: 166.500.000.000 đồng
 - Chi phí dự phòng: 73.722.233.797 đồng
 - Chi phí quyền sử dụng đất: 588.285.000.000 đồng

11. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

STT	Mã hiệu	Nội dung
Thiết kế kiến trúc		
1	TCVN 276:2003	Công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế
2	TCVN 4319:2012	Nhà và Công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế
3	TCVN 4450:1987	Căn hộ ở - Tiêu chuẩn thiết kế
4	TCVN 4451:2012	Nhà ở - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế
5	TCVN 3254:1989	An toàn cháy - Yêu cầu chung
6	TCVN 7958:2008	Bảo vệ công trình xây dựng - Phòng chống mối cho công trình xây dựng mới.
7	TCVN 9255:2012	Tiêu chuẩn tính năng trong nhà - Định nghĩa, phương pháp tính các chỉ số diện tích và không gian.
8	TCVN 3907:2011	Trường mầm non – Yêu cầu thiết kế
Thiết kế kết cấu		
9	TCVN 2737:1995	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế
10	TCXD 229:1999	Chỉ dẫn tính toán thành phần động của tải trọng gió theo TCVN 2737:1995
11	TCVN 9386:2012	Thiết kế công trình chịu động đất
12	TCVN 5574:2012	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép
13	TCVN 5575:2012	Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế
14	TCVN 10304:2014	Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế
15	TCVN 9393:2012	Cọc - Phương pháp thử nghiệm tại hiện trường bằng tải ép tĩnh dọc trục
16	TCVN 9379:2012	Kết cấu xây dựng và nền. Nguyên tắc cơ bản về tính toán

STT	Mã hiệu	Nội dung
Thiết kế hệ thống cơ điện		
17	TCVN 9206:2012	Đặt thiết bị điện trong nhà và công trình công cộng
18	TCVN 9207:2012	Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng
19	11TCN-18,19,20,21:2006	Quy phạm trang bị điện
20	TCVN 5556:91	Thiết bị điện hạ áp. Yêu cầu chung về bảo vệ chống điện giật
21	TCXDVN 95:1983	Tiêu chuẩn thiết kế. Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài công trình xây dựng dân dụng
22	TCXD 9385:2012	Chống sét cho nhà và công trình xây dựng
23	TCVN 9888:1:2013	Bảo vệ chống sét. Phần 1: Nguyên tắc chung
24	TCXD 29:1991	Chiếu sáng tự nhiên trong công trình dân dụng - Tiêu chuẩn thiết kế
25	TCVN 7114:2008	Chiếu sáng nơi làm việc
26	TCVN 9358:2012	Tiêu chuẩn thiết kế, lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp. Yêu cầu chung.
27	TCVN 5556:91	Thiết bị điện hạ áp:yêu cầu chung về bảo vệ chống điện giật
28	TCVN 13456:2022	Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn - Yêu cầu thiết kế, lắp đặt
29	TCVN 6395 : 2008	Thang máy điện - Yêu cầu an toàn cấu tạo và lắp đặt.
30	TCVN 6396-72:2010	Yêu cầu an toàn về cấu tạo và lắp đặt thang máy - Áp dụng riêng cho thang máy chở người và thang máy chở người và hàng - Phần 72: Thang máy chữa cháy
31	TCVN 6396-20:2017	Yêu cầu an toàn về cấu tạo và lắp đặt thang máy - thang máy chở người và hàng - phần 20: thang máy chở người và thang máy chở người và hàng.
Thiết kế cấp thoát nước		
32	TCVN 4036:1985	Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng. Ký hiệu đường ống trên hệ thống kỹ thuật vệ sinh.
33	TCVN 4474:1987	Thoát nước bên trong. Tiêu chuẩn thiết kế
34	TCVN 4513:1988	Cấp nước bên trong. Tiêu chuẩn thiết kế
35	TCVN 5673:1992	Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng. Cấp thoát nước bên trong. Hồ sơ bản vẽ thi công.
36	TCXD 7957:2008	Thoát nước. Mạng lưới bên ngoài và công trình. Tiêu chuẩn thiết kế.

STT	Mã hiệu	Nội dung
37	TCXD 33:2006	Cấp nước, Mạng lưới bên ngoài và công trình. Tiêu chuẩn thiết kế.
38	TCVN 4519:1988	Hệ thống cấp thoát nước bên trong nhà và công trình. Quy phạm thi công và nghiệm thu
39	TCVN 5576:1991	Hệ thống cấp thoát nước. Quy phạm quản lý kỹ thuật
Và các tiêu chuẩn hiện hành liên quan khác		

Điều 2: Tổ chức thực hiện: Phòng Quản lý thiết kế, Phòng Quản lý xây dựng, Phòng Kế hoạch Đầu thầu và Cung ứng, Phòng Pháp lý dự án và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm triển khai quản lý, thực hiện dự án đảm bảo chất lượng, hiệu quả và thực hiện đầy đủ các hồ sơ thủ tục, trình tự đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định hiện hành, đưa dự án vào khai thác, sử dụng theo đúng tiến độ được phê duyệt.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 40/QĐ-FUTA tháng 06 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu Tư Phương Trang về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật Tháp CT3&CT7 thuộc dự án Đà Nẵng Times Square.

Điều 4: Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, PLDA.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trương Đình Trung

